

Bản án số: **729/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 05-12-2022

Về việc tranh chấp về nuôi con của nam
nữ chung sống như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn; Tranh chấp về quyền
sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Loan.

Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn; Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản”.

Do Bản án số 213/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5740a/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1961; địa chỉ: Số X1 đường HN, phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương Y, sinh năm 1985, địa chỉ: Số X2 đường X3, Khu phố X4, phường P2, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Kiên C – Luật sư Văn phòng luật sư Vũ Tuấn N và đồng nghiệp thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phòng X5, toà nhà X6 đường Đ, phường P3, quận Q2, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Văn S thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Số X7 đường Đ1, phường P4, thành phố A, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1969; địa chỉ: X8 đường Đ2, Khu phố II, phường P5, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số X8 đường Đ3, phường P6, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 11 năm 2022). Có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Lê Trung T, sinh năm 1963; địa chỉ: X9 chung cư X10 Bộ Công an, đường Đ4, phường P7, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: X11 Khu phố L, phường P8, thành phố A, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

+ Ông Võ Thanh Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: X12, phường p9, quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Quang C sinh năm 1984; địa chỉ: X13, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Nguyễn Công L.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Công L trình bày: Năm 2005, ông Nguyễn Công L và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn vì khi đó ông L đang trong quan hệ hôn nhân hợp pháp và chưa ly hôn, mặc dù ông L và vợ hợp pháp đã sống ly thân hơn 20 năm. Quá trình chung sống, ông L và bà T có hai người con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2006 và Nguyễn Công T1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009. ông L và bà T tạo lập được tài sản chung là nhà đất tọa lạc tại số X14 đường Đ4, phường P10, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà đất X14 Đ4) và nhà đất tọa lạc tại X15 đường Đ5, phường P5, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà đất X15 Đ6). Do ông L chưa ly hôn nên ông L đã để cho bà T một mình đứng tên trên các giấy chứng nhận của 02 bất động sản nêu trên. Đến năm 2016, ông L và bà T xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, nhận thấy không thể chung sống với bà T nên ngày 08 tháng 5 năm 2017, ông L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T; giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho ông L, không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, ông L yêu cầu Tòa án phân chia theo công sức đóng góp, phần giá trị ông được hưởng là 3/4 và phần giá trị mà bà T được hưởng là 1/4 trên tổng giá trị 02 bất động sản. Ngày 08 tháng 6 năm 2017, ông L có đơn xin rút một

phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà T và yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung.

Nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: bà T và ông Nguyễn Công L có quan hệ tình cảm và có 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2009 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn nên không còn quan hệ tình cảm, giữa bà T và ông L không có nợ chung. Nhà đất X14 Đ4 do bà T tạo lập năm 2007 và nhà đất X15 Đ6 do bà T tạo lập năm 2011, cả hai đều là tài sản riêng của bà T, bà T là người đang thực tế quản lý, sử dụng và đứng tên trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà. Do đó, bà T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 và ngày 04 tháng 10 năm 2019, bà T có đơn phản tố yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Q1 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông L; giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho bà, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con; yêu cầu Tòa án buộc ông L phải bồi thường số tiền 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng do việc ông L yêu cầu Tòa án ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây thiệt hại cho bà T.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố, bổ sung yêu cầu phản tố xác định yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con và yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BHX15, số vào sổ cấp GCN: CHX16 ngày 05 tháng 3 năm 2012 do Ủy ban nhân dân quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T đối với tài sản là quyền sử dụng đất X15 Đ6, trường hợp ông L không giao trả bản chính thì bà T có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp lại giấy chứng nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH725705 ngày 14 tháng 3 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T đối với nhà đất X14 Đ4; yêu cầu Tòa án xác định nhà đất X14 Đ4 và X15 Đ6 là tài sản riêng của nguyên đơn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

Bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử không thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thay đổi tại phiên tòa do vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và đồng ý giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

[2] Tại Bản án số 213/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công L về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Công L và bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công L về việc yêu cầu công nhận nhà, đất tọa lạc tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, địa chỉ số 559 - 561 đường Đ4, phường P10, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất tọa lạc tại thửa đất số 808, tờ bản đồ số 32 (P.Tân Phong), địa chỉ X8 Đ6, phường P5, quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Nguyễn Công L.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Công L và bà Nguyễn Thị Thanh T.

4. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Công L và bà Nguyễn Thị Thanh T: ông L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Công T, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2006 và Nguyễn Công T1, giới tính: Nam, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009; về cấp dưỡng nuôi con chung ông L không yêu cầu.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với nguyên đơn ông Nguyễn Công L: Buộc ông Nguyễn Công L phải giao trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BHX17, sổ vào sổ cấp GCN: CHX18 do Ủy ban nhân quận Q3 cấp ngày 05 tháng 3 năm 2012 đối với thửa đất số 808, tờ bản đồ số 32 (P.Tân Phong), địa chỉ: phường P5, quận Q3, tọa lạc tại X8 Đ6, phường P5, quận Q3 Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Thanh T ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Công L có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, căn cứ quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự về sửa chữa, bổ sung bản án, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm bổ sung các nội dung: (1) Quyết định đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đã rút tại phiên tòa về việc buộc nguyên đơn bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000.000 đồng do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây thiệt hại cho bị đơn; (2) Bổ sung quyết định tuyên quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở trong trường hợp nguyên đơn ông Nguyễn Công L không trả lại bản chính giấy chứng nhận cho bà T.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét yêu cầu của nguyên đơn về

việc tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số CH 725705, sổ vào sổ cấp GCN: CS01205 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh T đối với nhà đất X14 đường Đ4; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định 02 bất động sản đang tranh chấp là tài sản của ông Nguyễn Công L nhờ bà T đứng tên giữ gìn và để lại cho 02 con chung. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thủ tục tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tại phiên tòa sơ thẩm do chưa tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng là những người bán nhà; đề nghị xem xét tình trạng sức khỏe tâm thần của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đều chưa xem xét. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T đã ký hợp đồng đặt cọc bán nhà đất X14 đường Đ4 cho 02 người là bà Nguyễn Thị T Hồng và bà Phùng Thị N, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi trái pháp luật của bà T định đoạt đối với tài sản đang tranh chấp chưa được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Về nội dung, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nhà đất X14 Đ4 do ông Nguyễn Công L trực tiếp mua từ ông Văn Ngọc Đ, bà Đoàn Thị H vào tháng 6 năm 2007, khi đó tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng, ông L là người rút tiền của mình trong tài khoản ngân hàng đưa cho bà T, rồi cùng bà T đến ngân hàng Đồng bằng sông Cửu Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam) để bà T nộp tiền vào tài khoản và thanh toán tiền mua nhà. Sau khi mua nhà, ông L là người bỏ tiền ra xây nhà để bà T cho thuê lấy tiền chi tiêu hàng tháng. Đối với nhà đất X15 Đ6, ông L mua trực tiếp từ ông Nguyễn Hoàng S, bà Lê Thị T Vân vào tháng 01 năm 2012, ông Đinh Quốc H là người môi giới. ông L cũng rút tiền từ trong tài khoản ngân hàng và cùng bà T đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Nguyễn Văn Linh, phường P5, quận Q3 để bà T nộp tiền vào tài khoản thanh toán tiền mua nhà. Sau khi mua nhà, ông L và bà T chung sống tại đây. ông L và bà T thống nhất bà T là người đứng tên trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà rồi để lại cho 02 con chung, có lập văn bản thỏa thuận cam kết (nguyên đơn chỉ cung cấp được bản photo). Ngoài các bảng kê rút và chuyển tiền tại ngân hàng, nguyên đơn đã cung cấp bảng lương của bà T từ năm 2005 đến năm 2016 và quyết định ly hôn giữa bà T với ông Cường để chứng minh bà T không có đủ khả năng về tài chính để tự mình mua được 02 căn nhà nêu trên. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định nhà và đất X14 Đ4 và nhà đất X15 Đ6 là tài sản riêng của ông L nhờ bà T đứng tên giữ gìn. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đề nghị triệu tập những người ký hợp đồng đặt cọc đảm bảo ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản là nhà và đất X14 Đ4 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là nội dung vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu của nguyên đơn; hơn nữa, việc triệu

tập bổ sung người liên quan là không cần thiết do hợp đồng đặt cọc chỉ để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng, không phải hợp đồng chuyển nhượng, trường hợp phát sinh tranh chấp, các cá nhân có liên quan có quyền khởi kiện vụ án độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Thực tế, bà Nguyễn Thị Thúy Hồng đã khởi kiện bà T, bà T đã khởi kiện bà Phùng Thị N theo thông báo thụ lý số 232/TB-TLVA ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Giấy xác nhận đã nhận đơn kiện số 2069/GXN-TA ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với người thuê bất động sản đang tranh chấp và vợ của ông Nguyễn Công L là bà Nguyễn Thị H đều đã có văn bản trình bày ý kiến và đề nghị không tham gia tố tụng, do đó, cũng không cần thiết đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Về nội dung: Nguyên đơn cho rằng ông L nhờ bà T đứng tên giùm trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản đang tranh chấp và chỉ cung cấp được bản photo các giấy thỏa thuận không được coi là chứng cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài sản là nhà và đất X14 Đ4 và X15 Đ6 là tài sản riêng của bà T do bà T tự tạo lập, bà là người đứng tên trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và là người trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản nêu trên. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn không có cơ sở, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông L là chủ sở hữu tài sản hợp pháp, là người chuyển tiền cho bà T thanh toán tiền mua tài sản. Các yêu cầu của nguyên đơn thay đổi tại phiên tòa là vượt quá yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo ban đầu, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần nội dung kháng nghị sửa bản án sơ thẩm bổ sung nội dung đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000.000 đồng do bị đơn có yêu cầu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý để giải quyết theo trình tự sơ thẩm; đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị sửa bản án sơ thẩm bổ sung phần quyết định chưa giải quyết hết yêu cầu phản tố của bị đơn về tuyên quyền được liên hệ cơ quan có thẩm quyền xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp nguyên đơn không trả lại bản chính giấy chứng nhận cho bị đơn. Mặc dù ngay sau khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận Q1 đã ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm nhưng không thuộc trường hợp được sửa chữa, bổ sung bản án theo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Trong giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ mới do Tòa án thu thập, có cơ sở để xác định: Sau phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện 02 giao dịch đặt cọc đảm bảo ký kết hợp đồng chuyển nhượng đối với nhà và đất X14 Đ4; việc giải quyết vụ án về quyền sở

hữu tài sản có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các cá nhân đã giao dịch với bà T sau thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là tình tiết mới, cần hủy một phần bản án sơ thẩm để triệu tập họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần giải quyết tranh chấp về tài sản, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo thẩm quyền. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị nêu tại phiên tòa phúc thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết yêu cầu của đương sự đã tự nguyện rút, về giải quyết vấn đề con chung đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Đơn kháng cáo của bị đơn, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại các điều 272, 273, 278, 279 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

[1] Các đương sự trong vụ án có yêu cầu và đã thỏa thuận giao 02 con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2006 và Nguyễn Công T1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009 cho nguyên đơn ông Nguyễn Công L trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng cho con. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận thỏa thuận của các đương sự là có cơ sở.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn có đơn rút một phần yêu cầu phản tố. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ các yêu cầu mà các đương sự đã rút là có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị về việc sửa bản án sơ thẩm phần đình chỉ các yêu cầu của đương sự đã rút. Căn cứ Khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần của vụ án mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị.

[4] Các phần quyết định về con chung và đình chỉ giải quyết yêu cầu mà các đương sự đã rút không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các đương sự tranh chấp về quyền sở hữu đối với 02 tài sản là nhà và đất X14 đường Đ4 và X15 Đ6, theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Hồ sơ gốc số 3910/2008/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2008; số CH725705 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp

ngày 14 tháng 3 năm 2017 và số BHX15 do Ủy ban nhân dân quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 3 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

[6] Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 23 tháng 6 năm 2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ là hồ sơ giao dịch tại Văn phòng công chứng Đồng Thị Hạnh đối với tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số X14 đường Đ4, phường P10, Quận Q1. Ngày 12 tháng 7 năm 2022, Văn phòng công chứng Đồng Thị Hạnh có Văn bản số 101/CCDTH cung cấp thông tin và tài liệu thể hiện: Bà Nguyễn Thị Thanh T có ký Hợp đồng đặt cọc số công chứng 002551 quyền số 05/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25 tháng 5 năm 2022 với bà Phùng Thanh N, sinh năm 1961; địa chỉ: Số X18 phường P10, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, đặt cọc giao dịch chuyển nhượng tài sản là nhà và đất tại X14 đường Đ4. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 4 Điều 68, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc giải quyết vụ án về quyền sở hữu tài sản là nhà và đất tại X14 đường Đ4 có liên quan đến quyền lợi của bà Nga nên cần đưa bà Nga vào vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Mặc dù nguyên đơn cung cấp Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện và trình bày đã khởi kiện bà Phùng Thị N tại Tòa án nhân dân Quận Q1, tuy nhiên, tranh chấp về cùng một tài sản cần được giải quyết trong cùng một vụ án để đảm bảo tính khách quan, toàn diện và triệt để. Đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn giải quyết phúc thẩm vụ án cần được xác minh làm rõ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tranh chấp tài sản và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[8] Theo quy định tại Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất. Điều 221, 223 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định một trong số những căn cứ xác lập quyền sở hữu là thông qua hợp đồng mua bán, chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy còn một số vấn đề trong vụ án cần phải được làm rõ, bao gồm: (1) Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T ly hôn ông Kim Ngọc C vào năm 2007 theo Quyết định số 79/2007/QĐST-HNGĐ-VDS ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận “*do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không có nhà ở riêng...*”; (2) Thời điểm giao dịch các bất động sản đang tranh chấp là vào các năm 2007 và 2012; (3) Trước và sau khi ly hôn, bà T là nhân viên tại Công ty Cổ phần tấm lợp – Vật liệu xây dựng Đồng Nai đến năm 2016; (4) Không phải ngẫu nhiên mà ông Nguyễn Công L lại là người giữ bản chính giấy chứng nhận 02 tài sản đang tranh chấp đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 70, Khoản 1 Điều 71, Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, để có đủ cơ sở giải quyết được toàn diện vụ án về tranh chấp quyền sở hữu tài sản, khi xét thấy cần thiết Tòa án cũng có thể lấy lời khai, yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ, triệu tập người làm chứng hoặc tiến hành đối chất giữa các đương sự để làm rõ quá trình thương lượng, giao dịch nhận chuyển nhượng tài sản; khả năng về tài chính của các bên tại thời điểm nhận chuyển nhượng tài sản; nguồn gốc các khoản tiền thanh toán giao dịch nhận chuyển nhượng tài sản; quá trình sử dụng các tài sản đang tranh chấp.

[9] Trong vụ án này, tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số X14 đường Đ4, phường P10, Quận Q1 được cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm Giấy chứng nhận Hồ sơ gốc số 3910/2008/UB-GCN do Ủy ban nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2008 và Giấy chứng nhận số CH725705 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh T, thay thế, hủy bỏ Giấy chứng nhận số 3910/2008/UB-GCN. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số CH725705 là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, tuy nhiên, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết. Do đó, khi giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm, khi xét thấy cần thiết, Tòa án cấp sơ thẩm có thể xem xét giá trị pháp lý các giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà và đất tại địa chỉ số X14 đường Đ4.

[10] Ngoài ra, tại Bút lục số 545 và 879, bà Nguyễn Thị H và Công ty Cổ phần Thẩm mỹ quốc tế Dencos có văn bản nêu ý kiến đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án. Xét, việc giải quyết tranh chấp quyền sở hữu tài sản giữa ông Nguyễn Công L (đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà Nguyễn Thị H) và bà Nguyễn Thị Thanh T (là người cho Công ty Cổ phần Thẩm mỹ viện quốc tế Dencos thuê mặt bằng tại địa chỉ số X14 đường Đ4, phường P10, Quận Q1) có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, mặc dù không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cần căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[11] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến tranh chấp tài sản được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[12] Về án phí: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; nguyên đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 148; Khoản 3 Điều 248; Khoản 3 Điều 308; Điều 309; Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần của vụ án bị kháng nghị theo Quyết định số 04/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị tại phiên tòa về việc đình chỉ các yêu cầu của đương sự.

II. Giữ nguyên một phần quyết định của Bản án số 213/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công L và yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Công L và bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Ghi nhận sự thoả thuận của ông Nguyễn Công L và bà Nguyễn Thị Thanh T: Giao 02 con chung của ông L và bà T là Nguyễn Công T, giới tính: nam, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2006 và Nguyễn Công T1, giới tính: nam, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2009 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Công L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số G1 ngày 11 tháng 5 năm 2017; bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số G2 ngày 06 tháng 10 năm 2017 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh; nhận lại tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

III. Hủy phần quyết định còn lại của Bản án số 213/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết yêu cầu tranh chấp về quyền sở hữu tài sản; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có liên quan được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

IV. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Công L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số G3 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh; nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

V. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết số 119/2022/QĐ-BPKCTT ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận Q1, Tp. HCM
(Kèm toàn bộ hồ sơ vụ án)
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận Q1, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu. (TC: 20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn